TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:128/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2024
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và Ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2024/QĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn Thị Đ, thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoài N; sinh năm: 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Số 61 đường Nguyễn Thị Đ, thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; hiện có địa chỉ tại: Due Woo Cit - AAA phường Joo-Yeep, quận Sanseo, thành phố CoYang, tỉnh Gyong, Hàn Quốc. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/11/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hoài N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng bàn bạc để anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu anh N ở Hàn Quốc vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện thoại thăm hỏi, nhưng sau đó thưa dần, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, tính cách không phù hợp. Chị H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoài N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/12/2008 và Nguyễn Xuân L, sinh ngày 28/9/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoài N*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để yêu cầu cơ quan này tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Nguyễn Hoài N, thông báo thông tin của Tòa án trên cổng thông tin của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc; thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam (V0V5), thông báo cho người thân (gia đình anh) để người thân thông báo cho anh N biết việc chị H xin ly hôn anh N, đồng thời thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B (nơi anh N cư trú) và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhưng Tòa án không nhận được thông tin gì từ anh N.

- *Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị L (mẹ anh N)*: Anh N đã đi lao động ở Hàn Quốc, hiện có địa chỉ đúng như địa chỉ mà anh N đã cung cấp cho Tòa án; anh N có liên lạc về gia đình bằng điện thoại và có nói cho mẹ biết vợ chồng chị H và anh N đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn Toà án tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn, sau khi ly hôn anh N cũng đồng ý giao cả hai đứa con chung (cháu T và cháu L) cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung vợ chồng con trai tôi tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh N. Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hoài N được ly hôn; về con chung giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh Nguyễn Hoài N đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian đóng góp phí tổn nuôi con từ tháng 10/2024 cho đến khi hai cháu T và L trưởng thành; về tài sản chung, không có nên không xem xét; buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Anh Nguyễn Hoài N là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Theo thông tin cung cấp của Cục quản

lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì anh Nguyễn Hoài N đã xuất cảnh ngày 26/05/2014 qua sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh. Theo chị H cung cấp thì hiện anh N có địa chỉ tại: Due Woo Cit - AAA phường Joo-Yeep, quân Sanseo, thành phố CoYang, tỉnh Gyong, Hàn Quốc. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Hoài N ở nước ngoài như: Tòa án đã ủy thác tư pháp thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để yêu cầu cơ quan này tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N, yêu cầu niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc; Tòa án cũng đã thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5; gửi văn bản tố tụng về gia đình của bị đơn (anh N), lập biên bản xác minh người thân của anh N (mẹ ruột bà Nguyễn Thị L); thực hiện niêm yết văn bản tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh N, tại Toà án nhân dân dân tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi của anh N. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 06/9/2024 nhưng anh N vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay (ngày 26/9/2024) anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do; chị H cũng vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Hội đồng xét xử thấy anh Nguyễn Hoài N và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo đơn xin ly hôn thì chị H khẳng định tình cảm vợ chồng đã hết, hai người không còn liên lạc với nhau trong khoảng thời gian dài và không còn quan tâm đến nhau nữa, nên chị H kiên quyết xin được ly hôn anh N. Đối với anh N mặc dù không có ý kiến gửi cho Tòa án, tuy nhiên theo trình bày của mẹ anh N (bà L) thì anh N biết được việc chị H xin ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H với anh N không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hoài N có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/12/2008 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 28/9/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị H xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai đứa con (cháu T và cháu L) và yêu cầu anh N phải đóng góp phí tổn nuôi con theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh N không có ý kiến gửi cho Tòa án để trình bày về nguyện vọng nuôi con, nhưng thông qua mẹ anh N (bà L) cho

biết thì anh N đồng ý giao cả hai đứa con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, hiện tại anh N đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con, hơn nữa từ khi anh N đi nước ngoài đến nay thì cả hai cháu đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác cả hai cháu đều có ý kiến do hiện nay bố (anh N) ở xa nên các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (chị H). Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng chị H và hai cháu (L và T) để giao cả hai đứa con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại không chứng minh được mức thu nhập bình quân của anh N, do đó Tòa án buộc anh N phải đóng góp một khoản tiền nuôi con khoảng 3.000.000 đồng/tháng (cho cả hai cháu). Sau này nếu chị H gặp khó khăn trong việc nuôi con hoặc chứng minh được mức thu nhập của anh N là cao so với mức đóng góp tiền nuôi con hiện tại thì chị H có quyền yêu cầu tăng tiền đóng góp phí tổn nuôi con theo quy định.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin*: Số tiền này chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện nộp đủ theo yêu cầu của cơ quan nhận ủy thác và đăng tin trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 153, 227, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1.***Về quan hệ hôn nhân***: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

2. ***Về quan hệ con chung***: Xử giao cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/12/2008 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 28/9/2012 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Hoài N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung 3.000.000đ/tháng (cho cả hai cháu). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2024 đến khi cháu Nguyễn Hoài T và Nguyễn Xuân L tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.***Về quan hệ tài sản chung***: Không có yêu cầu nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số: 0004752 ngày 04/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Buộc anh Nguyễn Hoài N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh Nguyễn Hoài N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Bảo Ninh, Tp Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ